TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN NINH HẢI** **TỈNH NINH THUẬN**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** Độc lập – Tự do – Hạnh phúc
Số: 03/2020/QĐST-HNGĐ	*Ninh Hải, ngày 03 tháng 01 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH

CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

- Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 307/2019/TLST-HNGĐ ngày 12 tháng 12 năm 2019 giữa:

Nguyên đơn: Chị Ngô Thị Kim L – sinh năm: 1985.

Địa chỉ: TL – TH – Đức Trọng – Lâm Đồng.

Bị đơn: Anh Lê Văn T – sinh năm: 1983.

Địa chỉ: TA – TH – Ninh Hải – Ninh Thuận.

- Căn cứ vào điều 212 và điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;
- Căn cứ vào điều 55 của Luật Hôn nhân và gia đình;
- Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành được lập ngày 26/12/2019.

XÉT THẤY

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 26/12/2019 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 *(bảy)* ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa anh Lê Văn T và chị Ngô Thị Kim L.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về con chung: Chị Ngô Thị Kim L có quyền và nghĩa vụ trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 người con chung là cháu Lê Văn HT - sinh ngày 04/5/2012 và cháu Lê Văn HS – sinh ngày 22/4/2016. Anh T có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi 02 người con chung (cháu T và cháu S) với số tiền là 1.500.000^{đ} *(một triệu năm trăm ngàn đồng*)/tháng/người con kể từ tháng 01 năm 2020 cho đến khi cháu T và cháu S đủ 18 tuổi và lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

- Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về án phí: Chị Ngô Thị Kim L phải chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (về hôn nhân), nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000đ *(ba trăm ngàn đồng)* theo biên lai số 0021248 ngày 06/12/2019 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Hoàn lại cho chị L số tiền chênh lệch là 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)*.

Anh Lê Văn T phải chịu 150.000đ *(một trăm năm mươi ngàn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng).

Người được thi hành án và người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- Chi cục THADS huyện Ninh Hải;
- UBND xã TH, huyện Đức Trọng, tỉnh Lâm Đồng;
- Lưu./.

THẨM PHÁN
(đã ký)

Ngô Thị Trang